TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/KDTM-ST
Ngày: 30 – 03 – 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính, hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường;
2. Ông Đặng Thành Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ *tham gia phiên toà*: Bà Dương Thị Truyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TL.ST-KDTM ngày 17 tháng 03 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính, hợp đồng bảo lãnh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty C1 (BSL);

Địa chỉ: Tòa nhà T N, phường L, quận Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thiều S – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định ủy quyền số 1114/2023/QĐ-BSL ngày 06/12/2023 của Tổng Giám đốc BSL và Giấy ủy quyền số 5051/2025/GUQ-BSL.HCM ngày 18/11/2025): Ông Phạm Văn H – Chức vụ: Trưởng phòng doanh.

Địa chỉ liên hệ: Số D, N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Một thành viên D;

Trụ sở: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc C – chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 10/04/2025): Bà Nguyễn Thị Tú A (có mặt); Địa chỉ: Số D - D, Lê Tấn Q, C, phường C, thành phố Cần Thơ và ông Đinh Anh T (Giấy ủy quyền ngày 12/04/2024); Địa chỉ: P, T, Tòa C L, T, Hà Nội (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1973 (có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Số A, đường C, phường N, thành phố Cần Thơ, hiện đang chấp hành án tại Trại giam K – Cục C2, Bộ C3.

2. Ông Trần Tiến M; địa chỉ: Ấp G, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Việt P; địa chỉ: Ấp A, xã A, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty C1- SUMI TRUST và người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn H trình bày như sau:

Giữa Công ty C1 (sau đây gọi tắt là BSL, Công ty C1 – T) và Công ty TNHH Một thành viên D (sau đây gọi tắt là Công ty D) có ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số 21823000139/HĐCTTC ngày 14/04/2023, cụ thể như sau: Tài sản thuê tài chính: Số lượng 04 chiếc Xe lu rung JCB116D mới 100%; Nhãn hiệu: JCB; Model: JCB116D; Năm sản suất: 2022; Xuất xứ: Ấn Độ; Số máy lần lượt: Xe 1: PUNJC116CN3131878 - H00331101, Xe 2: PUNJC116EN3131880 - H00330656; Xe 3: PUNJC116PN3131866-H00328014; Xe 4: PUNJC116TN3131901-H00334658. Số tiền thuê: 4.979.980.000 đồng, thời hạn thuê 36 tháng, kể từ ngày 26/05/2023 đến 26/05/2026; các kỳ trả nợ: Nợ gốc và nợ lãi trả vào ngày 09 hàng tháng;

Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi và xác định bằng: Lãi suất tham chiếu (7.2%) cộng với biên độ (3,3%) và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, lãi suất tham chiếu cho một kỳ điều chỉnh lãi suất là lãi suất gửi tiền tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng trả lãi sau do C1 công bố.

Lãi suất quá hạn tương đương 150% lãi suất thuê được áp dụng cho bất kỳ khoản nợ gốc nào đến hạn chưa được thanh toán. Lãi suất phạt 10%/năm được áp dụng cho khoản lãi thuê đã phát sinh đến hạn nhưng chưa được thanh toán.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty D theo Hợp đồng thuê, Công ty D nộp số tiền ký cược là 292.940.000 đồng; đồng thời, ông Phạm

Quốc V có ký văn bản cam kết bảo lãnh trả nợ thuê tài chính ngày 14/4/2023. Theo đó, trường hợp Công ty D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Phạm Quốc V cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty D.

Hàng tháng, Công ty D phải thanh toán cho Công ty C1 tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc, cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty D trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty chúng tôi vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, sau khi thanh toán tiền thuê kỳ đầu tiên, Công ty C4 đã không thể liên lạc được với đại diện công ty - của Công ty D thời điểm đó là ông Phạm Quốc V để yêu cầu thanh toán tiền thuê đến hạn, mặc dù Công ty chúng tôi đã nhiều lần liên lạc, làm việc trực tiếp nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ Công ty D. Ngày 07/09/2023, Công ty C4 có làm việc với bà Phạm Thị Hồng N - Đại diện theo ủy quyền của Công ty D cam kết sẽ thanh toán 02 kỳ quá hạn trước ngày 17/09/2023 và tiến hành bàn giao các tài sản thuê trước ngày 15/09/2023.

Ngày 25/09/2023, Công ty C4 có tiến hành thu hồi tài sản nhưng đại diện Công ty D đã không bàn giao tài sản, có hành vi cản trở việc thu hồi tài sản mặc dù đại diện Công ty D đã cam kết với cơ quan có thẩm quyền về việc đồng ý bàn giao tài sản. Ngày 02/10/2023, Công ty C4 đã có buổi làm việc với Công ty D, tại buổi làm việc, Công ty D cam kết bàn giao tài sản cho Công ty C4 theo kế hoạch: 03 tài sản thuê ở Trà Vinh vào ngày 05/10/2023 và 01 tài sản thuê ở Cà Mau từ ngày 09/10/2023.

Ngày 05/10/2023, Công ty C4 đã thu hồi 03 tài sản thuê tại Trà Vinh. Còn 01 tài sản thuê Công ty D đã không bàn giao theo cam kết. Ngày 13/11/2023, Công ty C4 đã tiến hành thu hồi tài sản thuê còn lại ở Cà Mau nhưng đã bị cản trở việc thu hồi.

Từ thời điểm đó đến nay, Công ty D vẫn không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty chúng tôi. Công ty D đã không trả nợ đúng hạn cho Công ty C1, vi phạm cam kết theo hợp đồng. Cho nên, Công ty C1 yêu cầu giải quyết:

1. Buộc Công ty D phải thanh toán cho BSL toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký, tạm tính đến ngày 30/03/2026 số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc: 1.834.202.856 đồng, nợ lãi và lãi phạt chậm trả: 943.530.310 đồng, tổng cộng: 2.777.733.166 đồng.

2. Buộc Công ty D phải tiếp tục chịu lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho thuê tài chính kể từ ngày 31/03/2026 cho đến ngày Công ty D thực tế thanh toán hết nợ cho BSL;

3. Trường hợp Công ty D không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ nêu trên, buộc Công ty D và ông Trần Tiến M giao trả tài sản thuê còn lại thuộc quyền sở hữu của Công ty C1 để thanh lý, thu hồi nợ.

4. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thuê nhưng không đủ để thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký, buộc Công ty D tiếp tục thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết.

5. Trường hợp Công ty D không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ hoặc không bàn giao các tài sản thuê nêu trên, buộc ông Phạm Quốc V phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký căn cứ theo Văn bản cam kết bảo lãnh trả nợ thuê tài chính ngày 14/04/2023.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn Công ty D là ông Đinh Anh T, bà Nguyễn Thị Tú A trình bày:

Ông Đinh Anh T trình bày: Ngày 14/4/2013, Công ty D đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số 21823000139/HDCTTC (Hợp đồng CTTC) với Công ty C1; tiếp theo, ngày 26/5/2023, hai bên ký tiếp Phụ lục 1 của Hợp đồng CTTC. Theo đó, Công ty D đã thuê các tài sản là 04 chiếc xe lu rung mới 100% do Ấn Độ sản xuất (tiết cụ thể đã được nêu tại Đơn khởi kiện của Công ty C1) với tổng giá tiền 5.858.800. (Công ty D đã trả trước 878.820.000đ, còn nợ 4.979.980.). Cả 04 chiếc xe lu rung này được Công ty C1 mua của Công ty P1 theo sự giới thiệu và chấp thuận của Công ty D, Hợp đồng Mua bán số 0089/2021/HDMB được lập ngày 14/4/2023.

Theo Hợp đồng CTTC, thời hạn cho thuê 04 chiếc xe lu rung là 36 tháng, Công ty D đã trả trước cho Công ty C1 878.820.000 đồng, đồng thời đã ký cược khoán tiền 292.940.000 đồng; phần còn lại, Công ty D hằng tháng sẽ trả tiền thuê bao gồm tiền gốc và tiền lãi của số dư nợ còn lại. Trên thực tế Công ty D đã được giao 04 chiếc xe này để hoạt động sản xuất kinh doanh, và đã thanh toán được một phần nợ gốc và nợ lãi cho Công ty C1, sau đó do gặp khó khăn nên không tiếp tục thanh toán.

Công ty D thừa nhận đang nợ tiền Công ty C1, song không đồng ý các con số tiền nợ nêu trong Đơn khởi kiện. Công ty D đề nghị Công ty C1 xem xét lại cả khoản tiền nợ gốc và khoản tiền nợ lãi, vì các khoản nợ này chưa tính đến

khoản tiền ký cược 292.940.000 đồng, gây thiệt thòi cho Công ty D chúng tôi. Công ty D đề nghị được trừ khoản tiền ký cược vào nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc, đồng thời xem xét lại khoản nợ tiền lãi do khoản nợ gốc đã giảm đi.

Công ty D đề nghị không tính khoản phạt tiền lãi do chậm trả, bởi Công ty D hiện gặp khó khăn do ông Phạm Quốc V (nguyên Giám đốc Công ty) đang bị bắt tạm giam, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty D hiện nay đang bị đình trệ sau sự việc này.

Về việc Công ty C1 thu giữ và cho thuê 03 xe lu rung. Công ty C1 đã thu hồi 03 xe lu rung ở Trà Vinh. Sau khi đã tổ chức bán đấu giá nhưng chưa thành công, theo Thông báo số 1333/2024/TB-BSL-HCM ngày 10/4/2024 của Công ty C1 gửi tới Công ty D, về việc dự kiến sẽ cho thuê lại 03 chiếc xe lu rung đã thu hồi. Công ty D đồng ý với phương án xử lý cho thuê lại đối với 03 chiếc xe lu rung Công ty C1 đã thu hồi để bớt đi nghĩa vụ trả nợ đối với Công ty D.

Đối với chiếc xe lu rung thứ tư hiện chưa thu hồi được, Công ty D đã sử dụng tài sản này để thi công công trình tại xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Khi việc thi công kết thúc, Công ty D đã tạm gửi tài sản này vào bãi vật liệu tại xã K, người nhận là ông Trần Tiến M. Người trực tiếp gửi tài sản là ông Nguyễn Việt P, cán bộ phụ trách thi công của Công ty D.

Công ty D cam kết sẽ sử dụng tất cả các khoản tiền và tài sản đã và đang có (kể cả các khoản nợ phải thu cũng như các khoản Công ty D được thi hành án) để thanh toán số nợ với Công ty C1. Bên cạnh đó Công ty D cũng cam kết sẽ thông báo cho Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Quốc V, để ông V thực hiện nghĩa vụ theo Văn bản cam kết bảo lãnh trả nợ thuê tài chính đã ký giữa ông V và Công ty C1 ngày 14/4/2023.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tú A xác định chiếc xe lu rung còn lại hiện nay ông Trần Tiến M đang quản lý, đồng ý thu hồi để xử lý theo Hợp đồng đã ký kết. Đối với khoản nợ theo Hợp đồng cho thuê tài chính, bà hoàn toàn không biết gì vì khi ông Phạm Quốc V bị bắt thì hồ sơ đã bị thu giữ hoặc bị thất lạc. Hiện nay Công ty D đang gặp khó khăn, không có khả năng trả nợ cho Công ty C1, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quốc V trình bày:

Giữa ty Sumi T1 và ty V1 có ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số 21823000139/HDCTTC ngày 14/04/2023. Ngoài ra, với tư cách cá tôi có ký kết văn bản cam kết bảo lãnh trả nợ thuê tài chính ngày 14/4/2023. Các nội dung đã thỏa thuận đúng như nội dung văn bản đã ghi nhận. Tài sản thuê là 04 xe lu

rung. Tôi nhận tài sản thuê hoạt động khoảng 04 tháng thì tôi bị bắt nên Công ty D không thể hoạt động được. Trường hợp Công ty D không trả được nợ thì tôi không đồng ý trả nợ thay Công ty D với lý do hiện tại hoàn cảnh của tôi rất khó khăn, đang chấp hành án nên không có khả năng trả nợ thay.

Việc Công ty C1 xe lu tôi không nhận được bất kỳ thông báo nào từ phía Công ty C1. Tôi không đồng ý việc Công ty C1 bán 03 xe lu rung, với lý do giá trị 03 xe lu rung đủ để thanh toán nợ vì giá thị trường đảm bảo đủ thanh toán, do tôi đã trả trước 30% giá trị hợp đồng và đã thanh toán một phần tiền thuê. Thứ hai, Công ty D không thực hiện đúng nghĩa vụ là do bất khả kháng do tôi là người đại diện theo pháp luật bị bắt nên Công ty không thể hoạt động được. Thứ ba, Công ty D cũng như cá nhân tôi không nhận được bất kỳ thông báo nào của Công ty C1 về việc thanh lý tài sản thuê để Công ty thực hiện quyền mua lại hoặc tìm đối tác khác mua lại với giá cao hơn.

Đối với 01 chiếc xe lu rung còn lại tôi cũng không biết ai đang quản lý. Tôi yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thu hồi lại chiếc xe còn lại để xử lý, phát mãi thu hồi tiền thanh toán nợ cho Công ty C1.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Việt P trình bày: Tôi là nhân viên của Công ty D, được giao quản lý thiết bị, máy móc của công ty. Vào năm 2023, khi Công ty D đang làm dự án cao tốc ở Cà Mau thì ông Phạm Quốc V khi đó là Giám đốc Công ty D có giao cho tôi quản lý 01 chiếc xe lu rung ICB11D để làm công trình này. Khi đang làm công trình này thì Công ty D gặp sự cố nên tôi có hỏi ông M (không biết họ tên, chức vụ gì trong Công ty K1), là người trực tiếp bán vật liệu xây dựng cho Công ty D để gửi chiếc xe lu rung trên. Ông M cũng đồng ý cho tôi đem vào Công ty của ông M gửi, gửi không tốn chi phí gì, chỉ quen biết cho gửi. Khi gửi xe cho ông M thì không có làm biên bản, tôi gửi ngày 08/9/2023. Sau khi tôi gửi xe, tôi có báo lại cho Công ty D và từ đó đến nay tôi không có liên hệ với ông M, Công ty có xuống lấy xe nhưng ông M không đồng ý giao xe, lý do ông M không giao xe là ông M nói Công ty D còn nợ tiền vật tư bên Công ty của ông M.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Tiến M vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn tại phiên toà vắng mặt không có lý do dù đã được

triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ Điều 335, 336 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 quy định về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty D phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi theo Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký kết, đồng thời tiếp tục chịu lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH MTV D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thu hồi 01 xe lu rung còn lại để xử lý nợ.

Trường hợp Công ty TNHH MTV D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, buộc ông Phạm Quốc V phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ theo Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 14/4/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty C1 khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty D thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cho thuê tài chính đã ký kết, đồng thời yêu cầu người bảo lĩnh là ông Phạm Quốc V thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo văn bản cam kết bảo lãnh trả nợ thuê tài chính đã ký. Công ty D có địa chỉ trụ sở tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, thành phố Cần Thơ). Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, ký kết hợp đồng với nhau đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, có căn cứ xác định là vụ án kinh doanh thương mại về: “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài

chính, hợp đồng bảo lãnh" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Quốc V vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Tiến M, Nguyễn Việt P đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; đối với đại diện theo ủy quyền của Công ty D là ông Đinh Anh T vắng mặt, nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Tú A, đồng thời bà Tú A xác định Công ty D không còn ủy quyền cho ông T để đại diện tham gia giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông V, ông M, ông P và ông T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Giữa Công ty C1 và Công ty D có ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số 21823000139/HDCTTC ngày 14/04/2023, theo đó: Tài sản thuê tài chính: Số lượng 04 chiếc Xe lu rung JCB116D mới 100%; Nhãn hiệu: JCB; Model: JCB116D; Năm sản suất: 2022; Xuất xứ: Ấn Độ; Số máy lần lượt: Xe 1: PUNJC116CN3131878 - H00331101, Xe 2: PUNJC116EN3131880 - H00330656; Xe 3: PUNJC116PN3131866-H00328014; Xe 4: PUNJC116TN 3131901-H00334658. Số tiền thuê: 4.979.980.000 đồng, thời hạn thuê 36 tháng, kể từ ngày 26/05/2023 đến 26/05/2026; các kỳ trả nợ: Nợ gốc và nợ lãi trả vào ngày 09 hàng tháng; Lãi suất thuê: Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi và xác định bằng: lãi suất tham chiếu (7.2%) cộng với biên độ (3,3%) và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, lãi suất tham chiếu cho một kỳ điều chỉnh lãi suất là lãi suất gửi tiền tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng trả lãi sau do C1 công bố; Lãi suất quá hạn tương đương 150% lãi suất thuê được áp dụng cho bất kỳ khoản nợ gốc nào đến hạn chưa được thanh toán. Lãi suất phạt 10%/năm được áp dụng cho khoản lãi thuê đã phát sinh đến hạn nhưng chưa được thanh toán.

[3.2] Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty D theo Hợp đồng thuê, Công ty D nộp số tiền ký cược là 292.940.000 đồng; đồng thời, ông Phạm Quốc V có ký văn bản cam kết bảo lãnh trả nợ thuê tài chính ngày 14/4/2023. Theo đó, trường hợp Công ty D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Phạm Quốc V cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty D.

[3.3] Hàng tháng, Công ty D phải thanh toán cho Công ty C1 tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc, cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Công ty C1

cho rằng trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê, phía Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty C1 đã thu hồi lại được 03 chiếc xe lu rung, còn lại 01 chiếc xe lu rung chưa thu hồi được.

[3.4] Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Công ty D thừa nhận có ký kết hợp đồng thuê tài chính như nội dung đơn khởi kiện của Công ty C1 và còn nợ tiền, nhưng đề nghị xem xét lại việc cấn trừ số tiền ký cược là 292.940.000 đồng mà Công ty D đã nộp. Công ty D đồng ý với phương án xử lý cho thuê lại đối với 03 chiếc xe lu rung Công ty C1 đã thu hồi để giảm bớt nghĩa vụ của Công ty D. Xét thấy,

[3.5] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty C1 đã ban hành Thông báo số 3237/2023/TB-BSL.HCM ngày 22/08/2023 về việc chấm dứt Hợp đồng cho thuê tài chính kể từ ngày 21/08/2023 và yêu cầu bàn giao tài sản cho thuê tài chính, sau đó Công ty C1 đã thu hồi tài sản thuê là 03 chiếc xe lu rung. Theo các Biên bản làm việc thì đại diện Công ty D (do bà Phạm Thị Hồng N đại diện) thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, việc Công Sumi T1 chấm dứt hợp đồng thuê là đúng quy định tại mục 9.1.7 Điều 9 và mục 11.1.1 Điều 11 của Hợp đồng.

[3.6] Về việc xử lý tài sản thuê, tại Điều 12 của Hợp đồng cho thuê tài chính quy định về xử lý tài sản thuê: *"12.1. Khi xảy ra các trường hợp Bên Cho Thuê thu hồi Tài Sản thuê theo các quy định tại Hợp Đồng, Bên Cho Thuê sẽ có toàn quyền xử lý Tải Sản như sau:*

12.1.1. Tiến hành định giá Tài Sản bởi tổ chức có thẩm quyền định giá do Bên Cho Thuê lựa chọn.

12.1.2. Bán Tài Sản thông qua hình thức (i) bán đấu giá Tài Sản thông qua tổ chức có thẩm quyền bán đấu giá tài sản, hoặc (ii) bán trực tiếp Tài Sản cho bên mua.

Trong trường hợp đặc biệt do Bên Cho Thuê quyết định, Bên Cho Thuê được toàn quyền quyết định giá bán Tài Sản cho dù giá bán Tài Sản thấp hơn giá định giá bởi tổ chức có thẩm quyền định giá, miễn là Bên Cho T2 phải thực hiện việc thông báo cho Bên Thuê trước 10 ngày, và trong khoảng thời gian này, Bên Thuê không có thông báo về việc đã tìm được bên mua nào khác với giá cao hơn giá bán do Bên Cho Thuê đã thông báo.

12.1.3. Cho bên thuê khác thuê tiếp theo hình thức (i) cho thuê tài chính, hoặc (ii) cho thuê vận hành".

Sau khi thu hồi 03 chiếc xe lu rung, Công ty C1 đã tiến hành ký Hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản số 11/2023/HDDVĐG/CNĐGVN ngày 18/12/2023

với Công ty Đ để bán đấu giá. Sau 03 lần thông báo bán đấu giá, trong đó lần 03 với giá khởi điểm 923.000.000 đồng/chiếc nhưng không có người tham gia đấu giá. Do đó, ngày 10/4/2024, Công ty C1 đã ban hành Thông báo số 1333/2024/TB-BSL.HCM V/v xử lý tài sản thuê, theo đó 03 chiếc xe lu rung đã được Công ty C1 cho thuê lại với giá trị 930.000.000 đồng/chiếc, là đúng như nội dung Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký kết.

[3.7] Sau khi cấn trừ khoản tiền ký cược 292.940.000 đồng vào nợ gốc và trừ giá trị tài sản thuê là 03 chiếc xe lu rung cho thuê lại, số tiền nợ gốc còn lại là 1.834.202.856 đồng. Do đó, Công ty C1 yêu cầu Công ty D có trách nhiệm trả cho Công ty C1 số tiền nợ gốc: 1.834.202.856 đồng; Nợ lãi, lãi quá hạn và lãi chậm trả là: 943.530.310 đồng (*trong đó: lãi trong hạn là 57.089.456 đồng, lãi quá hạn là 886.304.426 đồng, lãi chậm trả lãi là 136.428 đồng);* tổng cộng là 2.777.733.166 đồng. Căn cứ các Điều 91, 95, 112 và 113 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 21, Điều 22 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty C1 và công ty cho thuê tài chính; Điều 35, Điều36 Thông tưsố 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc NgânhàngNhà nước quy định về việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Công ty D phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho thuê tài chính kể từ ngày 31/03/2026 cho đến ngày Công ty D thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty C1.

[3.8] Đối với tài sản thuê còn lại là chiếc xe lu rung JCB116D; Nhãn hiệu: ; Model: JCB116D; Năm sản xuất: 2022; Xuất xứ: Ấn Độ; Số khung, số máy lần lượt: PUNJC116TN3131901 - H00334658. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Công ty C1, đại diện Công ty D và ông Nguyễn Việt P xác định hiện nay ông Trần Tiến M đang quản lý (do ông Nguyễn Việt P gửi cho ông M tại bãi vật liệu xây dựng của Công ty TNHH K1). Đối với ông Trần Tiến M quá trình giải quyết vụ án đã nhận được các Thông báo của Tòa án để tham dự các phiên làm việc, phiên họp và phiên tòa, tuy nhiên ông M vắng mặt không lý do. Xét thấy chiếc xe lu trên là tài sản cho thuê tài chính giữa Công ty C1 và Công ty D vẫn còn thuộc sở hữu của Công ty C1. Do đó, Công ty C1 có quyền yêu cầu thu hồi tài sản thuê còn lại để thanh lý, thu hồi nợ. Công ty D và ông Trần Tiến M có trách nhiệm giao trả tài sản thuê còn lại nêu trên để thanh lý, thu hồi nợ. Đối với giao

dịch của Công ty D và ông Trần Tiến M và các giao dịch phát sinh liên quan, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[3.9] Trường hợp sau khi xử lý tài sản thuê nhưng không đủ để thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký, buộc Công ty D tiếp tục thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết.

[3.10] Đối với ông Phạm Quốc V: Để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho thuê tài chính đã ký kết, ông Phạm Quốc V có ký Văn bản cam kết bảo lãnh trả nợ thuê tài chính ngày 14/4/2023. Theo đó, trường hợp Công ty D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Phạm Quốc V cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty D. Do đó, trong trường hợp Công ty D không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ, buộc ông Phạm Quốc V phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký căn cứ theo Văn bản cam kết bảo lãnh trả nợ thuê tài chính ngày 14/04/2023.

[3.11] Đối với việc ông Phạm Quốc V cho rằng việc Công ty D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng là bất khả kháng do ông bị Cơ quan điều tra (C03) bắt, tạm giam là không có căn cứ. Bởi lẽ, Công ty D là pháp nhân hoạt động có tổ chức, có nhân sự, khi ông V là chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật bị bắt, tạm giam thì trên thực tế Công ty đã tiến hành các thủ tục thay đổi chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật để tiếp tục thực hiện các công việc có liên quan, nên không thể cho rằng việc ông V bị bắt, tạm giam là bất khả kháng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 72.000.000 đồng + 2% (777.733.166) = 87.554.663 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 6.000.000 đồng, Công ty C1 chịu (đã nộp xong).

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C1. Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39,Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 335; Điều 342; Điều 351 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 90, Điều 91, Điều 112, Điều 113 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C1;

- Buộc Công ty TNHH Một thành viên D có trách nhiệm trả cho Công ty C1- SUMI TRUST số tiền là 2.777.733.166 đồng, trong đó nợ gốc: 1.834.202.856 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 30/03/2026 là 943.530.310 đồng (trong đó: lãi trong hạn là 57.089.456 đồng, lãi quá hạn là 886.304.426 đồng, lãi chậm trả lãi là 136.428 đồng). Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 31/03/2026 theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán tất nợ.

- Công ty cho thuê tài chính TNHH C1 có quyền yêu cầu thu hồi tài sản thuê còn lại là 01 (một) chiếc xe lu rung JCB116D; Nhãn hiệu: ; Model: JCB116D; Năm sản xuất: 2022; Xuất xứ: Ấn Độ; Số khung, số máy lần lượt: PUNJC116TN3131901 - H00334658 để thanh lý, thu hồi nợ. Công ty D và ông Trần Tiến M có trách nhiệm giao trả tài sản thuê còn lại nêu trên để thanh lý, thu hồi nợ. Đối với giao dịch của Công ty D và ông Trần Tiến M và các giao dịch phát sinh liên quan, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

- Trường hợp sau khi xử lý tài sản thuê nhưng không đủ để thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký, buộc Công ty TNHH Một thành viên D1 tục thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết.

- Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên D không thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ, buộc ông Phạm Quốc V phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký căn cứ theo Văn bản cam kết bảo lãnh trả nợ thuê tài chính ngày 14/04/2023.

2. Về án phí: Công ty TNHH Một thành viên D phải chịu 87.554.663 mươi bảy triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn sáu trăm sáu mươi ba) đồng án phí kinh

doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty C1- SUMI TRUSTđược nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.550.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004422 ngày 07/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 6.000.000 đồng, Công ty C1- SUMI TRUST chịu (đã nộp xong).

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 14 – Cần Thơ;
- THA dân sự TP. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thanh